

Bài 25. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA TỰ NHIÊN VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Qua bài học, HS nắm được :

- Lãnh thổ Việt Nam có một quá trình phát triển lâu dài và phức tạp từ Tiền Cambri tới ngày nay.
- Lịch sử tự nhiên lâu dài đó đã có ảnh hưởng mạnh mẽ tới cảnh quan và tài nguyên thiên nhiên nước ta.
- Các khái niệm địa chất đơn giản, niên đại địa chất, sơ đồ địa chất.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý CỦA BÀI HỌC

Đây là một bài khó dạy trong chương trình Địa lí tự nhiên Việt Nam, bởi lẽ nội dung rất trừu tượng và phải đề cập tới các khái niệm về địa chất khá phức tạp.

1. GV cần nắm vững các khái niệm địa chất và cổ địa lí cơ bản sau đây

a) Bảng niên biểu địa chất

Căn cứ để xây dựng bảng này là học thuyết tiến hoá sinh học. Sinh vật trên Trái Đất phát triển, tiến hoá không ngừng từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện tới hoàn thiện hơn. Các thế hệ sinh vật bị chết, chôn vùi cùng với đất đá, tạo thành các hoá đá (hoá thạch), chỉ độ tuổi của địa tầng và đất đá thành tạo nên chúng. Các nhà địa chất trên thế giới thống nhất lập nên bảng niên biểu địa chất, chia lịch sử vỏ Trái Đất thành các giai đoạn tương ứng với sự phát triển của sinh giới như Nguyên sinh, Cổ sinh, Trung sinh, Tân sinh. Trong SGK chỉ đề cập tới các nguyên đại và không đi sâu xuống cấp thấp hơn.

b) Các giai đoạn kiến tạo ở Việt Nam

Bài này chỉ dẫn giải 3 giai đoạn lớn hình thành lãnh thổ Việt Nam. Ở mỗi giai đoạn nêu một vài sự kiện chủ yếu. GV cần lưu ý HS các sự kiện đó và vẽ sơ đồ minh hoạ.

- Giai đoạn Tiền Cambri. Đây là giai đoạn phát triển đầu tiên của vỏ Trái Đất. Lúc này vỏ Trái Đất còn nhiều biến động lớn và không ổn định. Đại bộ phận lãnh thổ nước ta còn là các đại dương nguyên thủy, bầu khí quyển nhiều

CO₂, ít O₂ do sinh vật còn quá ít ỏi, thô sơ, chưa có vai trò gì lớn. Trên lãnh thổ Việt Nam lúc đó chỉ mới có các mảng nền cổ như vòm sông Chảy, Hoàng Liên Sơn, cánh cung núi sông Mã, khối nhô KonTum... làm hạt nhân hay tạo thành những điểm tựa cho sự phát triển lãnh thổ sau này.

– Giai đoạn Cổ kiến tạo kéo dài 500 triệu năm, qua hai nguyên đại là Cổ sinh (PZ) và Trung sinh (MZ). Lãnh thổ Việt Nam mở rộng và được củng cố vững chắc bởi các vận động kiến tạo lớn và liên tiếp xảy ra (Calêđôni, Hecxini, Indôxini, Kimêri). Sau đó một quá trình yên tĩnh kéo dài. Trải qua hàng chục triệu năm không được nội lực nâng cao, các kiến trúc cổ đã bị ngoại lực mài mòn, vùi lấp, phá huỷ tạo nên những bề mặt san bằng cổ thấp và thoải.

– Giai đoạn Tân kiến tạo diễn ra trong đại Tân sinh. Tại Việt Nam, vận động Tân kiến tạo diễn ra cách ngày nay khoảng 25 triệu năm. Vỏ Trái Đất nhiều nơi lại bị lôi cuốn vào một quá trình kiến tạo mới. Tại châu Á sự nâng cao mạnh mẽ của dãy núi trẻ Hi-ma-lay-a đã là động lực cho một quá trình kiến tạo mới ở Việt Nam kéo dài cho tới ngày nay. GV cần đặc biệt chú ý tới tác động mạnh mẽ của Tân kiến tạo ảnh hưởng tới hoàn cảnh tự nhiên nước ta. Trong đó nổi bật là các quá trình đã nêu trong SGK. Các trận động đất ở Điện Biên, Lai Châu và một số nơi khác những năm qua chứng tỏ rằng Tân kiến tạo còn đang hoạt động. Song do lãnh thổ nước ta đã được cố kết vững chắc nên có rất ít những thảm hoạ động đất, núi lửa lớn làm thay đổi hẳn cấu trúc địa hình như trước đây.

c) Về sự xuất hiện của con người ở Việt Nam

Các di chỉ khảo cổ khai quật được ở Việt Nam cho thấy con người đã sớm có mặt ở đây :

– Di chỉ núi Đọ – Thanh Hoá của người nguyên thuỷ sơ kì đồ đá cũ, cách đây khoảng 200 – 300 nghìn năm.

– Các nền văn hoá cổ Bắc Sơn, Đông Sơn, Hạ Long...

– Con người Việt Nam qua hàng vạn năm lịch sử đã chung sống với thiên nhiên, cải tạo biến đổi thiên nhiên cho phù hợp với cuộc sống của mình. Tác động của con người ngày càng to lớn. Bên cạnh mặt tích cực là chính, con người chúng ta cũng đã làm cho thiên nhiên biến đổi theo hướng nghèo kiệt và trở nên bất lợi cho chính bản thân mình.

III. CÁC THIẾT BỊ DẠY HỌC CẦN THIẾT

- Sơ đồ các vùng địa chất – kiến tạo (*vẽ to hình 25.1 trong SGK*)
- Bảng niên biểu địa chất (*vẽ to để treo tường*)
- Bản đồ địa chất Việt Nam treo tường.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN BÀI HỌC

1. Lời giới thiệu

GV có thể đặt một loạt câu hỏi dẫn dắt để thu hút sự chú ý của HS. Ví dụ : Lãnh thổ Việt Nam hình thành như thế nào và biến đổi ra sao ? Vùng đồi núi hay vùng đồng bằng xuất hiện trước ? Chúng được hình thành vào thời kì nào ? Chúng có quan hệ với nhau như thế nào ? Đó là những câu hỏi mà chúng ta cần phải tìm ra câu trả lời. GV cho HS đọc lời giới thiệu vào bài.

2. Gợi ý giảng dạy các giai đoạn kiến tạo

a) Để giảng dạy phần này GV có thể dựa vào hình 25.1 – Sơ đồ các vùng địa chất kiến tạo Việt Nam (*đã phóng to*) để hướng dẫn HS. Hoặc GV dùng phấn màu vẽ dần các vùng lãnh thổ theo trình tự xuất hiện của chúng trên sơ đồ Việt Nam bỏ trống (từ Tiền Cambri cho tới Tân sinh tương ứng với các màu đỏ, hồng, xanh, vàng)

b) Trong từng giai đoạn kiến tạo chú ý nhấn mạnh các sự kiện chính và đưa hình ảnh các sinh vật cổ để minh họa bài học.

3. Phân tích mối quan hệ

a) Quan hệ giữa lịch sử địa chất và địa hình

Những nơi núi cao ở Việt Nam đều trùng với các vùng nền cổ ; các cao nguyên badan phân bố ở nơi nền cổ bị nứt vỡ mạnh do Tân kiến tạo ; các đồng bằng trẻ như đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long là các vùng thấp bị sụt võng sâu được lấp bằng phù sa ; các vùng thường có động đất mạnh như Điện Biên – Lai Châu là nơi có những đứt gãy địa chất sâu, vỏ Trái Đất yếu.

b) Quan hệ giữa đá và địa hình

– Các đá rắn chắc thường tạo nên các núi cao, sườn dốc, đỉnh nhọn. Ví dụ Phan-xi-păng, Phu Luông, Ba Vì, Tam Đảo...

– Các đá trầm tích mềm thường tạo nên đồi núi thấp, đáng mềm mại. Ví dụ vùng đồi trung du Việt Trì, Phú Thọ, Bắc Giang...

– Các trầm tích bờ rời (phù sa) tạo nên các địa hình đồng bằng trũng, thấp, bằng phẳng.

c) Quan hệ giữa địa chất và khoáng sản sẽ được làm sáng tỏ ở bài : Đặc điểm tài nguyên khoáng sản Việt Nam. Ở đây chỉ cần nêu do lịch sử địa chất phức tạp, hình thành nhiều loại đá và khoáng chất nên khoáng sản Việt Nam cũng rất phong phú, nhiều kiểu loại.

V. GỢI Ý TRẢ LỜI MỘT SỐ CÂU HỎI KHÓ

1. Các mỏ than đá lớn ở nước ta có tuổi Trung sinh (MZ). Chúng cho biết khí hậu lúc đó rất nóng ẩm, rừng cây phát triển mạnh mẽ. Các loài thực vật hoá than cho biết các loài thực vật thống trị lúc đó là các họ dương xỉ và hạt trần.

2. Các hiện tượng địa chất kiến tạo gần đây chứng tỏ sự hoạt động của Tân kiến tạo còn tiếp diễn ở nước ta.

Một số trận động đất gần đây :

Thời gian	Khu vực động đất	Cấp độ	Biểu hiện thiệt hại
23 ^h 22' 1 – 11 – 1935	Điện Biên Phủ	6,75 R	Nhà, mặt đất nứt nẻ
16 ^h 58' 12 – 6 – 1961	Bắc Giang	7 R	Hư hại nhà cửa
24 – 5 – 1972	Sông Cầu – Bình Định	7 R	Hư hại nhà cửa
14 ^h 18' 24 – 6 – 1983	Tuần Giáo – Lai Châu	6,7 R	Sụt lở núi

Ghi chú :

R : độ Rích-te.

3. Ý nghĩa của giai đoạn Tân kiến tạo đối với sự phát triển lãnh thổ Việt Nam

- Nâng cao địa hình, làm cho núi non, sông ngòi trẻ lại.
- Xuất hiện các cao nguyên badan núi lửa.
- Sụt lún tại các vùng đồng bằng phù sa trẻ.
- Mở rộng Biển Đông.
- Góp phần hình thành các khoáng sản : dầu khí, bôxít, than bùn...